**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ CÀ MAU**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2019
"V/v *tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kim Cương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi;
2. Bà Trần Thị Cúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 627/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "về nuôi con, chia tài sản của N, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 647/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P trình bày*: Chị và anh Lý Văn N chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, và anh N nhiều lần đánh chị nên anh chị đã ly thân khoảng 06 năm nay. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên Lý Thúy D, sinh ngày 29/4/2001 và Lý Trúc D, sinh ngày 03/11/2006. Hiện 02 con đang sống cùng chị. Khi ly hôn, đối với Thúy D đã trên 18 tuổi nên không đặt việc việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng, đối với Lý Trúc D chị yêu cầu nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị khai chị và anh N không có nợ ai, cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Lý Văn N mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh N vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tung: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Lý Văn N được xác định là tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của N, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đối với bị đơn anh Lý Văn N mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại các 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị P và anh N đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn, nên chị P và anh N đã ly thân 06 năm nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay chị P xin ly hôn, nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị P xác định chị và anh N có 02 con chung tên Lý Thúy Duy, sinh ngày 29/4/2001 và Lý Trúc D, sinh ngày 03/11/2006. Hiện 02 con đang sống cùng chị P. Khi ly hôn, đối với Thúy D đã trên 18 tuổi nên không đặt việc việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng, đối với Lý Trúc D chị P yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu này của chị P phù hợp với ý kiến nguyện vọng của Lý Trúc D theo biên bản ghi ý kiến ngày 05/8/2019, hơn nữa anh N cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục giao con chung Lý Trúc D cho chị P tiếp tục, trực tiếp chăm sóc giáo dục. Đối với Lý Thúy D đã trưởng thành nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chị P không đặt ra yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị P khai vợ chồng không có tài sản chung, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P khai vợ chồng không có nợ chung, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị P phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lý Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Lý Trúc D, sinh ngày 03/11/2006 hiện đang sống cùng chị P cho chị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh N. Đối với Lý Thúy D, sinh ngày 29/4/2001 đã trưởng thành không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lý Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị P khai chị và anh N không có tài sản chung, không xem xét.

Về nợ chung: Chị P khai chị và anh N không có nợ ai, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 16/7/2019, chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000465 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
( Đã Ký)

**Phạm Kim Cương**